



HỘI TƯỢNG ẢNH PHÉP LẠ



Đ. MẸ CHĂNG HẸ MẶC TỘI TỬ TÔNG

IMPRIMERIE DE LA MISSION

289, rue Paul Blanchy, 289

TÂN DINH — SAIGON

1930

0, 70
SỬ KÝ

ĐẠI NAM VIỆT.



ANNALES ANNAMITES

SỬ KÝ

ĐẠI NAM VIỆT

QUỐC TRIỀU

NHÚT LÀ ĐOẢN TÍCH TỪ HIỀU VŨ
VƯƠNG CHO ĐỀN KHI VUA GIA LONG
(NGUYỄN ANH) ĐẠNG TRỊ LẦY CẢ VÀ
NƯỚC AN NAM.

IN LẦN THỨ TƯ.



SAIGON
IMPRIMERIE DE LA MISSION
À TÂN ĐỊNH
1903.



Nói về gốc Nhà Lê: mà đền sau Nhà Nguyễn và Nhà Trịnh lên làm chúa giúp các vua Nhà Lê là thế nào.

Nguyên thuở trước nước An Nam gọi là Giao Chỉ Quận, đền sau cũng cải tên là Hoan Châu (Xứ Nghệ).

Khi đầu thì có vua riêng; song năm trước Chúa giáng sinh 111, dời nhà Hán trị nước Ngô, thì nhà Triều mất nước. Mà nước Giao Chỉ thuộc về nước Ngô cho đến khi nhà NGÔ làm nguy mà đặt mình lên làm vua trị nước Giao Chỉ, là năm Giáng sinh 939. Cho nên nước ấy thuộc về nước Ngô đến 1050 năm trọn.

Năm 700 dư, thì vua Thượng vị lập thành Kê Chợ, rày gọi là Hà Nội. Khi đầu thì đặt tên là Thành Châu; song đến năm 970, vua Đinh Tiên Hoàng (Thái Bình) bỏ thành ấy mà xây thành Hoa Lô (*Hoa Lu*) ở nơi khác mà làm kinh đô. Đến năm 1012, vua Lý Thái Tổ là gốc nhà Lý, lại bỏ thành Hoa Lô mà lập lại Thành Châu, cùng cải tên là Hoàng Long Thành (*Thăng Long Thành*); bởi vì vua ấy ở trong tàu mà nằm ngủ chiêm bao thấy một con rồng vàng, thì lấy làm điềm lành.

Vậy nhà LÊ mới khi đầu trị nước Giao Chỉ là năm 981. Ông Đại Hành Vương là gốc nhà LÊ cũng làm vua trị được 24 năm, thì thối hèn. Đoạn con cái làm loạn cùng giết lộn nhau.

Nhơn vì sự ấy qua năm sáu năm, quan lớn kia, tên là Hồ Lý (*Hôu Lý*) làm nguy, thì nhà LÊ mất nước; mà năm 1010 ông Hồ Lý là gốc nhà LÝ tức vị. Đến sau thì đặt tên ông ấy là Thái Tổ. Đời ông Lý Anh Tông, đến năm 1139, thì cải Giao Chỉ mà gọi là Yên Nam (An Nam) Quốc.

Vậy nhà LÝ trị nước 216 năm; đoạn ông Lý Huệ Tông chẳng có con trai; thì bà Chiêu Hoãn, là con gái ông ấy, lên trị vì. Mà năm 1226 bà ấy kết bạn với ông Thái Tông thuộc về nhà TRẦN: thì từ ấy cho đến năm 1414, là 188 năm trọn, nhà Trần trị nước An Nam.

Song bởi nhà ấy làm khổ dân lầm, thì có kẻ đến cáo với vua Thượng vị, đời ông Trưng Quang Đế là năm 1409. Vua Thượng vị sai hai quan lớn cùng nhiều binh sĩ mà đánh vua nước An Nam. Các quan cùng dân sự chẳng có lòng với vua Trưng Quang Đế, thì người đã thua cùng phải bắt sống. Các quan có ý đưa ông ấy sang Bắc Kinh cho vua Thượng vị phạt. Nhưng mà ông ấy thoát khỏi tay quân canh, thì trốn mình mà chết.

Các quan nước Ngô đã phá tuyệt dòng nhà LÝ và nhà Trần, thì chẳng những là chẳng trả nước An Nam cho nhà LÊ, mà lại cũng giữ lấy làm một xứ riêng thuộc về nước Ngô. Vốn dân có lòng ước ao cùng đã xin cho được người nhà LÊ làm vua, mà chẳng được, thì phàn nàn lắm. Vả lại

các quan nước Ngô làm nhiều điều cực lòng người ta; vì đã bắt bỏ luật phép người An Nam quen giữ xưa nay mà theo những thói phép nước Ngô; phải mặc áo cụt và cạo đầu như nước Ngô, và chẳng còn được nhuộm răng nữa, *văn văn*. Như vì sự ấy người ta sinh lòng phiền muộn, dằn dỗi muốn lo dấy loạn.

Đến năm 1423, có một người thứ dân kia, tên là Nguyễn Tiên, tìm được một người thuộc về nhà Lê, tên là Lê Lợi, thì người tụ tập chiêu quân mà đánh quân Ngô. Hai bên đánh nhau nhiều trận, mà ông Nguyễn Tiên khôn ngoan, tốt trí cùng hay nghề võ, cho nên dần dần đánh được quân Ngô, cùng đuổi nó ra khỏi nước An Nam. Đến năm 1428, thì ông Nguyễn Tiên đặt ông Lê Lợi làm vua; và khi người thắng hà, thì các quan theo phép tôn người là Lê Thái Tổ. Ông Nguyễn Tiên lập lại nhà Lê thì làm vậy. — Khi ông Lê Lợi còn làm vua, thì cũng có ý đến ơn trả nghĩa cho ông Nguyễn Tiên, nên đã đặt ông ấy làm đầu các quan, và phụ các việc nhà nước cho người xem sóc, lại phong làm *quốc công*, cho nên ông ấy là gốc nhà Nguyễn.

Trong các vua nhà Lê thì chẳng có ông nào danh tiếng cho bằng ông Thánh Tông, gọi là vua Hồng Đức. Ông ấy tức vị làm vua năm 1460, là năm Canh Thìn, và trị nước được 38 năm tròn. Ông ấy khôn ngoan lập nhiều lệ luật mới, thiên hạ phục lắm. Trong lệ luật ấy có nhiều điều người ta còn cứ cho đến rày. Vả lại ông Hồng Đức ấy có tài đánh giặc; đã đánh được nhiều trận với vua Xiêm Thành, cùng lấy hơn nửa phần nước Xiêm Thành,

là hai xứ rất lớn mà nhập với nước An Nam. Bởi ấy gọi hai xứ ấy là Thuận Hoá và Quảng Nam; song đã chia ra năm xứ, vì thuở ấy nước An Nam có 13 xứ mà thôi, là kể từ Bình Chính mà ra. Còn từ Bình Chính mà vào thì thuộc về nước Xiêm Thành. Vậy ông Hồng Đức ấy đã mở nước An Nam ra cho rộng.

Còn ông Nguyễn Tiên thì giữ lấy chức *Quốc Công* mà truyền lại cho con cháu mà giúp nhà Lê.

Nhưng mà năm 1521, là năm Tân tị, đời vua Chiêu Tông, là chắt ông Hồng Đức, thì quan kia, tên là Lê Du, lại làm ngụy. Vậy Mạc Đăng Dong, khi trước làm nghề thủy cơ (*bát cá*), mà đến sau đã lên làm quan lớn, thì đã đánh được nhà Lê lại. Như vì sự ấy vua Chiêu Tông có ý thương ông Mạc Đăng Dong, bèn đặt làm quan *Quận Công* coi các binh sĩ nước An Nam. Nhưng mà qua hai năm, ông Mạc Đăng Dong làm ngụy, cùng ép ông Chiêu Tông từ chức vua mà đặt ông Cung Hoàng, là em ruột ông Chiêu Tông, làm vua. Cách hai năm, ông Mạc Đăng Dong lại chiếm lấy vị vua nước An Nam, là năm Giáp sinh 1527; song dặng làm vua hai năm mà thôi; đoạn để cho con dẫu lòng, là ông Mạc Đăng Dinh, làm vua.

Vốn khi trước ông Mạc Đăng Dong muốn phá tuyệt nhà Lê mặc lòng, song cũng ra dẫu thương nhà Nguyễn cách riêng, hoặc là vì nhà Nguyễn chẳng có trưng với vua Lê là bao nhiêu, mà đã ám trợ nhà Mạc, hay là vì lẽ nào khác chẳng biết. Nhà Mạc cũng dùng người nhà Nguyễn làm quan lớn song chẳng còn cho làm *Quốc công* nữa, một cho

làm quan *Thái sư*, là chức nhỏ hơn mà thôi; cho nên nhà Nguyễn chẳng bằng lòng.

Bởi đó ông Thái sư, tên là Nguyễn Kim, nghe tin có con vua Chiêu Tông đã trốn ẩn trong nước Lào, thì liền sai đi rước về. Đoạn ông Nguyễn Kim tụ tập nhiều binh mã mà đánh giặc, nên nhà Mạc phải thua. Nhờ vì sự ấy, năm 1533, là năm Quý tị, thì nhà Nguyễn lại đặt ông Lê Trang Tông làm vua. Vua ấy liền trả nghĩa cho ông Nguyễn Kim, chẳng những là đã phong cho làm quan *Quốc công* lại như xưa, song cũng có ý làm chức ông ấy đã lập mình làm vua, nên đã thêm chữ *hưng* mà gọi là *Hưng quốc công*.

Khi ấy ông Nguyễn Hưng quốc công có một con trai còn trẻ tuổi lắm, và một con gái đã đến tuổi khôn. Vả lại trong các đầy tớ ông ấy thì có một người, tên là Trịnh Kiểm, tốt trí khôn biết đàng lo việc cùng hiền lành nết na; cho nên ông Hưng quốc công thương và đặt làm quan nhỏ. Đến sau thấy người đã làm nên nhiều việc trọng, cùng có tài đánh giặc, thì dần dần đặt làm quan lớn. Người lại gả con gái lòng cho ông ấy, và đặt lên làm *Võ quận công* nữa.

Qua ít lâu, khi ông Hưng quốc công đã già yếu, chẳng còn làm gì đặng nữa, thì phủ việc nhà nước cho rõ, là Trịnh Kiểm; lại xin vua ban chức *Hưng quốc công* cho ông ấy nữa. —Vua Lê Trang Tông có chức vua không mà thôi, còn các việc nước thì mặc ông Nguyễn Hưng quốc công. —Ông Nguyễn qua đời đoạn, mà con trai ông ấy, tên là Doan Công, hãy còn trẻ tuổi, cũng chưa có chức

cao trọng là bao nhiêu, thì ông Hưng quốc công, là Trịnh Kiểm, nổi quờn ông ấy.

Ông Trịnh Kiểm muốn lên làm vua lâm; song sợ e ông Đoan Công, là em ruột vợ mình ngăn trở, thì ra sức tìm phương mà giết. Ông Đoan Công chẳng biết ý anh rể thế nào, nên sợ hãi lắm cùng bàn các việc với chị, là vợ ông Trịnh Kiểm. Hai chị em yêu dấu nhau lắm, cho nên em cứ lời chị đã bàn mà giả dại, cùng làm nhiều điều lạ, cho ai nấy ngờ là mình ra hoảng hốt điên cuồng. Vậy ông Đoan Công giả đồ uống thuốc, cùng tỏ ra dấu lạnh, chẳng còn hoảng hốt như trước, song xem hình người ngờ ngán ngáy muội chẳng biết gì. Bấy giờ bà Hưng quốc công, là chị Đoan Công, xin chống lo liệu mà đưa em mình vào trong Cửa Đại, là xứ cuối nước An Nam, để cho xa đi, và mình khỏi mang tiếng. Ông Hưng quốc công ngờ là em dại đột thật, thì vui lòng mà cho xuống tàu vào trong ấy.

Nhưng mà ông Đoan Công vào Đàng Trong chẳng còn lo sợ ông Hưng quốc công nữa, thì ở cách khôn ngoan, cùng tụ tập nhiều người văn võ hời Đàng Ngoài mà theo mình vào đó, thì dần dần đặt mình lên làm vua cai trị các xứ Đàng Trong. Khi đầu thì hãy còn chịu lụy ông Hưng quốc công, mà theo *tiền công* những vua nhà Lê. Đến năm 1600, cùng là năm Canh tí, thì đặt mình lên làm vua gọi là Tiên Vương; song hãy còn nhìn lấy nhà Lê làm vua cùng đi *tiền công*. Nhưng mà chẳng còn biết gì đến nhà Trịnh nữa; mà lại đến khi ông Nguyễn Đoan Công, là Tiên vương, gần

chết, thì trời mọi sự cho con đầu lòng, là ông Toại Công, gọi là Tể (Sãi) Vương. — Nhà Nguyễn lên làm *Chúa* cai trị các xứ Đàng Trong thì làm vậy.

Ông Trịnh Kiểm, là Hưng quốc công, thấy em là ông Đoan Công, đã lừa mình thế ấy, thì giận lắm cùng sai nhiều binh sĩ mà đánh phạt. Lại đến khi ông Trịnh Kiểm qua đời đoạn, thì ông Trịnh Tráng, là con Trịnh Kiểm, càng ra sức đánh nhà Nguyễn hơn nữa; nhưng mà phải thua mãi. Hai bên đánh nhau nhiều lần; song nhà Trịnh sai quân vào Đàng Trong lần nào, thì bị trận hay là phải trốn đi lần ấy. Cho nên đến sau nhà Trịnh chẳng dám làm gì nữa.

Từ ấy về sau nhà Nguyễn và nhà Trịnh ghét nhau lắm, cùng chỉ ra sức làm hại nhau; mà bởi nhà Nguyễn đã lấy tên vua mà cai trị dân Đàng Trong, nhà Trịnh cũng đã lấy tên vua mà cai trị dân Đàng Ngoài, thì dân Đàng Trong và dân Đàng Ngoài ra như hai dân khác nhau. Vì chưng dân Đàng Trong chẳng ưa dân Đàng Ngoài, mà dân Đàng Ngoài cũng chẳng ưa dân Đàng Trong. Tuy rằng nhà Trịnh và nhà Nguyễn thì đều nhận lấy nhà Lê làm vua, song bởi các vua nhà Lê kém tài lắm, chẳng biết gì đến việc nhà nước, một lo sự ăn uống, chơi bời, say sưa mà thôi; cho nên có tên vua, còn các quyền phép thì ở tại hai nhà, là nhà Nguyễn và nhà Trịnh hết thấy.

Dân thì quen gọi hai nhà ấy là *Chúa Nguyễn* và *Chúa Trịnh*. Nhưng mà khi các vua nhà Lê ban sắc phong cho hai Nhà ấy, thì phong vương tở

tường. Cho nên *Các Chúa* ấy ra sắc chỉ hay là làm tờ bối gì thì xưng mình là *Vua*.

Lại đầu các vua nhà Lê chẳng làm gì mà trị nước giặc lòng, song bởi quen đi về tại Kê Chợ, thì dân Đàng Ngoài cũng biết các vua nhà Lê ít nhiều, và các chúa nhà Trịnh cũng tỏ ra lòng cung kính. Còn dân Đàng Trong ở xa, thì chẳng biết gì đến các vua nhà Lê, một biết nhà Nguyễn mà thôi. Cho nên các chúa nhà Nguyễn lấy các vua nhà Lê làm *niên hiệu*, còn mọi sự khác thì mặc ý mình.

Lại khi đầu, phần đàng nhà Nguyễn cai trị, thì còn ít lắm, vì có một xứ Thuận Hóa và xứ Quảng Nam, là hai xứ khi trước thuộc về Xiêm Thành mà vua Hồng Đức đã lấy. Vậy nhà Nguyễn chẳng còn đánh giặc với nhà Trịnh nữa, thì chỉ đánh với nước Xiêm Thành và một phần Cao Mên gọi là Đồng Nai, rầy đồ chia ra làm năm tỉnh. Cho nên nước Đàng Trong là bởi nước Xiêm Thành và nước Cao Mên mà ra.

Còn nhà Trịnh chẳng đánh giặc với nhà Nguyễn nữa, thì phải đánh với nhà Mạc. Vì chưng trước ông Nguyễn Kim đã đánh được nhà ấy mặc lòng, song chưa chịu thua cho dứt, thì còn cai trị xứ Bắc và xứ Cao Bằng. Mà năm Giáp sinh 1603, là Lê Kính Tông tam niên cũng là năm Quý mão, thì ông Khang Hi, là vua thượng vị, gởi sắc cho nhà Mạc mà phong vương cai trị xứ Cao Bằng. Song qua hai ba năm, nhà Mạc ấy mất mọi sự cùng trốn sang nước Đại Minh; thì từ ấy về sau xứ Cao Bằng thuộc về nước An Nam.

II

Sở các Vua trị nước An Nam
từ nhà Lê về sau.

Ông Đại Hành Vương tức vị 981 là năm Tân
th, trị nước được 24 năm. Doạn con cái vua ấy bất
thuận cùng sinh bè làm loạn, mà chẳng ai làm
vua.

Qua năm sau, ông Trung Tông, là con ông Đại Hành
Vương, tức vị được ba ngày. Doạn phải em giết di,
và soạn lấy nước làm vua. Thiên hạ gọi người là
Ngoạ Triều, vì người hay nằm.

Nhà Lý.

Năm 1010, là năm Canh tuất, ông Thái Tổ, là cháu
nhà Lý, tức vị được 48 năm

Năm 1028, là năm Mậu thìn, ông Thái Tông tức
vị được 27 năm.

Năm 1055, là năm Ất vị, ông Thánh Tông tức
vị được 47 năm.

Năm 1072, là năm Nhâm tí, ông Nhân Tông tức
vị được 56 năm.

Năm 1128, là năm Mậu thân, ông Thán Tông, là
cháu ông Thái Tông, tức vị được 44 năm.

Năm 1139, là năm Kỷ mao, ông Anh Tông tức

vị được 37 năm. — Bấy lâu nước An Nam gọi là Giao Chỉ Quận, thì ông Anh Tông đổi tên là An Nam Quốc.

Năm 1176, là năm Bính thân, ông Cao Tông tức vị được 35 năm.

Năm 1211, là năm Tân vị, ông Huệ Tông tức vị được 14 năm.

Năm 1225, là năm Ất dậu, ông Huệ Tông thăng hà, mà chẳng có con trai; thì bà Chiêu Hoàng, là con gái đầu lòng, tức vị. Qua một năm, bà ấy kết bạn với nhà Trần, thì nhà Lý mất nước, mà nhà Trần lên làm vua.

Nhà Trần.

Năm 1226, là năm Bính tuất, ông Trần Thái Tông kết bạn với bà Chiêu Hoàng, thì lên làm vua, cũng là đầu nhà Trần, trị nước được 32 năm.

Năm 1258, là năm Mậu ngũ, ông Thánh Tông tức vị được 21 năm.

Năm 1279, là năm Kỷ mao, ông Nhân Tông tức vị được 14 năm.

Năm 1293, là năm Quý tị, ông Anh Tông tức vị được 21 năm.

Năm 1314, là năm Giáp dậu, ông Minh Tông tức vị được 15 năm.

Năm 1329, là năm Kỷ tị, ông Hiến Tông tức vị được 12 năm.

Năm 1344, là năm Tân tị, ông Dũ Tông tức vị được 29 năm; ông ấy là em ông Hiến Tông.

Năm 1370, là năm Canh tuất, ông Nghệ Tông, là em ông Hiến Tông, tức vị. Làm vua ba năm đoạn, nhường chức cho em.

Năm 1373, là năm Quý sửu, ông Duệ Tông, cũng là em ông Hiến Tông, tức vị được 4 năm.

Năm 1377, là năm Đinh tỵ, ông Phế Đế tức vị. Qua 12 năm, ông ấy phải chết, là ông Nghệ Tông, thất cố mà chết đi, cho nên gọi là Phế Đế.

Năm 1389, là năm Kỷ tỵ, ông Thuận Tông là con ông Nghệ Tông, tức vị. Song le qua chín năm, ông ấy phải nhường lại cho con; đoạn phải người ta giết đi.

Năm 1398, là năm Mậu dần, ông Thiệu Đế tức vị. Làm vua hai năm, đoạn mất nước, là năm 1400; vì quan lớn kia, tên là Hồ Quý Ly, làm nguy lấy nước mà làm vua được một năm mà thôi.

Đoạn ông Hán Thương, là con ông ấy, làm vua mà người ta giết đi.

Năm 1407, là năm Đinh hợi, ông Giản Định, là con ông Nghệ Tông, đánh được vua nguy Hán Thương, thì tức vị được hai năm.

Năm 1409, là năm Kỷ sửu, ông Trưng Quang Vương, là cháu ông Nghệ Tông, tức vị. Vua ấy làm khổ dân lắm, cho nên các quan xin vua Thương vị nước Ngò cứu giúp nước An Nam. Vua Thương vị sai hai quan tướng cùng nhiều binh sĩ đánh phạt vua Trưng Quang; thì ông ấy đã phải bắt sống, đoạn trảm mình mà chết; nên nhà Trần mất nước là năm 1414. Song le vua Thương vị chẳng đặt vua khác; một giữ lấy nước An Nam làm xứ riêng nước Ngò.

Nước An Nam phải thế ấy mà chẳng có vua đã mười bốn năm trọn. Vậy người kia, tên là Nguyễn Tiên, là người xứ Thanh Hóa, nghe tin còn có một người dòng dõi nhà Lê, tên là Lê Lợi, thì ra sức lo cho ông ấy làm vua. Ông Nguyễn Tiên đánh giặc với quân Ngô mười năm trọn; đoạn năm Giáp sinh 1428, là năm Mậu thân, mới lập lại nhà Lê, đặt ông Lê Lợi, gọi là Thái Tổ, mà trị nước bảy năm, niên hiệu là Thuận Thiên.

Năm 1433, là năm Ất mao, ông Thái Tông, là con ông Thái Tổ, trị nước tám năm; niên hiệu là Thiệu Bình.

Năm 1443, là năm Quý Hợi, ông Nhân Tông, là con ông Thái Tông, tức vị làm vua được mười bảy năm; niên hiệu là Thái Hoà.

Năm 1460, là năm Canh Thìn, ông Thánh Tông, niên hiệu là Hồng Đức, là con ông Nhân Tông, tức vị làm vua được ba mươi tám năm. Trong các vua An Nam chẳng có vua nào có danh tiếng cho bằng vua ấy.

Năm 1498, là năm Mậu Tuất, ông Hiến Tông, là con ông Thánh Tông, tức vị làm vua sáu năm; niên hiệu là Cảnh Thuần (Kiềng Thống).

Năm 1504, là năm Giáp Tý, ông Túc Tông, là con ông Hiến Tông, tức vị làm vua một năm mà thôi; niên hiệu là Đoan Khánh (Thoại Khánh).

Năm 1505, là năm Ất Sửu, ông Mục Đế, là con ông Hiến Tông, tức vị được bốn năm. Ông ấy chẳng cái niên hiệu.

Năm 1509, là năm Kỷ Tỵ, ông Tương Đức Đế, là cháu ông Thánh Tông, tức vị làm vua bảy năm.

Đoạn phải người ta giết di. Niên hiệu Hồng Thuận.

Năm 1516, là năm Bính tí, ông Chiêu Tông, là cháu ông Thánh Tông, tức vị cùng làm vua bảy năm: đoạn bị nhà Mạc làm nguy, mà mất nước; niên hiệu là Quang Thiệu.

Năm 1523, là năm Quý vị, ông Cung Hoàng, là em ông Chiêu Tông, tức vị; vì tuy nhà Mạc đã làm nguy song chưa chiếm lấy chức vua. Nhưng mà qua bốn năm (1527), ông Mạc Đăng Dung tôn mình lên làm vua, và trị nước hai năm. Đoạn nhường vị cho con đầu lòng, là ông Mạc Đăng Đình. Bấy giờ quan Nguyễn Cầm (Kim), hiệu là ông Thái sư, lập lại nhà Lê.

Năm 1533, là năm Quý tị, ông Trang Tông tức vị làm vua mười lăm năm; niên hiệu là Nguyên Hòa.

Năm 1549, là năm Đinh vị, ông Trung Tông tức vị làm vua tám năm; niên hiệu là Thuận Bình.

Năm 1557, là năm Đinh tị, ông Anh Tông, là cháu ông Thái Tông, tức vị làm vua mười lăm năm; niên hiệu là Đại Hựu.

Năm 1572, là năm Nhâm thân, ông Thế Tông, là con ông Anh Tông, tức vị làm vua hai mươi tám năm; niên hiệu là Quang Hưng.

Năm 1600, là năm Canh tí, ông Kính Tông, là con ông Thế Tông, tức vị làm vua mười chín năm; niên hiệu là Thận Đức.

Năm 1619, là năm Kỷ vị, ông Thần Tông, là con ông Kính Tông, tức vị làm vua hai mươi bốn năm; niên hiệu là Vĩnh Tộ. Đoạn nhường vị cho con. — Đời vua ấy thì mới giảng đạo trong nước An Nam.

Năm 1643, là năm Quý vị, ông Chân Tông,

là con ông Thần Tông, tức vị làm vua năm năm; niên hiệu là Phước Thái.

Năm 1648, là năm Mậu tí, ông Thần Tông lên làm vua lại, mà còn cai trị nước mười bốn năm; niên hiệu là Khánh Đức.

Năm 1663, là năm Quý mao, ông Huyền Tông, là con ông Thần Tông, tức vị làm vua mười năm; niên hiệu là Cảnh Trị.

Năm 1673, là năm Quý sửu, ông Gia Tông, là em ông Huyền Tông, tức vị làm vua ba năm; niên hiệu là Dương Đức.

Năm 1675, là năm Ất mao, ông Hi Tông, là con ông Thần Tông, sinh ra khi cha đã chết rồi, tức vị làm vua được ba mươi năm; niên hiệu là Đức Nguyên.

Năm 1705, là năm Ất dậu, ông Dũ Tông, là con ông Hi Tông, tức vị làm vua hai mươi bốn năm; niên hiệu là Vĩnh Thịnh.

Năm 1729, là năm Kỷ dậu, ông Vĩnh Khánh tức vị. Ông ấy là con nuôi ông Dũ Tông; mà bởi ông ấy mê sắc dục quá, thì làm vua ba năm, đoạn chúa Trịnh Giang, cũng gọi là Uy Vương giết đi, mà chẳng có niên hiệu.

Năm 1732, là năm Nhâm tí, ông Thuần Tông, là con ông Dũ Tông, tức vị làm vua ba năm; niên hiệu là Long Đức.

Năm 1735, là năm Ất mao, ông Ý Tông tức vị lấy niên hiệu là Vĩnh Hựu. Đời ấy thiên hạ phải nhiều sự khốn khổ. Ông Ý Tông làm vua 3 năm, đoạn nhường ngôi cho cháu là ông Hiến Tông, còn trẻ tuổi; liệu làm vậy thì có ý cho thiên hạ được bình yên.

Năm 1740, là năm Canh thân, ông Hiến Tông, là con ông Thuần Tông tức vị làm vua bốn mươi sáu năm; niên hiệu là Cảnh (Kiểng) Hưng. — Đời ông ấy thì quân Tây Sơn dấy lên.

Năm 1786, là năm Bính ngũ, ông Chiêu Thống, là con ông Hiến Tông, tức vị làm vua không đầy hai năm. Đoàn quân Tây Sơn chiếm lấy ngôi. Ông Chiêu Thống trốn sang Đại Minh, mà khi đã già lắm mới qua đời.

Năm 1788, là năm Mậu thân, ông Long Nhữong chiếm lấy ngôi vua, cùng lấy tên Quang Trung, mà xưng mình là hoàng đế và trị xứ Đàng Ngoài nước An Nam mười ba năm.

Năm 1801, là năm Tân dậu, ông Cảnh Thịnh, là con ông Quang Trung, làm vua; sau lại cải tên là Bảo Hưng; qua một ít lâu thì người ta bắt mà nộp cho vua Gia Long, thì phải ngũ mã phân thân.

Năm 1802, là năm Nhâm tuất, ông Gia Long tức vị lấy tên hoàng đế cai trị cả nước An Nam. Khi quân Tây Sơn cai trị các xứ Đàng Ngoài, thì ông Gia Long, gọi là Nguyễn Anh, cai trị các xứ Đàng Trong hai mươi ba năm. Đến sau thì lại cai trị cả nước An Nam mười tám năm.

Năm 1820, là năm Canh thìn, ông Minh Mạng là con ông Gia Long, tức vị làm vua hai mươi một năm.

Năm 1841, là năm Tân sửu, ông Thiệu Trị, là con ông Minh Mạng, làm vua bảy năm.

Năm 1848, là năm Mậu thân, ông Tự Đức, là con ông Thiệu Trị, tức vị làm vua ba mươi sáu năm.

Năm 1883, là năm Quý vị, ông Hiệp Hòa tức vị làm vua dặng năm tháng; đoạn cũng một năm ấy, ông Kiên Phước tức vị làm vua, dặng tám tháng mà thôi.

Năm 1884, là năm Giáp thân, ông Hàm Nghi tức vị, làm vua dặng một năm; đoạn phải bá thiên.

Năm 1885, là năm Ất dậu, ông Đồng Khánh tức vị làm vua năm năm.

Năm 1889, là năm Kỷ Sửu, ông Thành Thái tức vị.

Sở các Chúa nhà Nguyễn trị các xứ Đàng Trong.

Năm 1600, là năm Canh tí, ông Nguyễn Tiên Vương tức vị. Ông ấy là con ông Nguyễn Kim lập lại nhà Lê. Khi đầu thì gọi là Đoan Công hay là Nguyễn Hoàng, và làm quan trấn mà thôi. Đến sau nhà Lê mới phong vương cho cai trị các xứ Đàng Trong mười bốn năm.

Năm 1614, là năm Giáp thân, ông Tế (Sãi) Vương, là con ông Tiên Vương, tức vị làm chúa hai mươi một năm.

Năm 1635, là năm Ất hợi, ông Thượng Vương, là con ông Tế Vương, tức vị làm chúa 14 năm.

Năm 1649, là năm Kỷ Sửu, ông Hiến Vương, là con ông Thượng Vương, lên làm chúa 37 năm.

Năm 1686, là năm Bính dần, ông Văn Vương, là con ông Hiến Vương, lên làm chúa 6 năm.

Năm 1692, là năm Nhâm thân, ông Minh Vương, là con ông Văn Vương, lên làm chúa 32 năm.

Năm 1724, là năm Giáp thìn, Đức Ninh Vương, là con ông Minh Vương, tức vị làm chúa 13 năm.

Năm 1737, là năm Đinh tị, Đức Hiền Vũ Vương, là con Đức Ninh Vương, lên làm chúa 28 năm.

Năm 1765, là năm Ất dậu, Đức Thượng Hoàng (cũng là Huệ Vương) tức vị làm chúa 12 năm; đoạn quân Tây Sơn giết di.

Năm 1777, là năm Đinh dậu, ông Hoàng Tôn, là con ông Đức Mục (Mục), tức vị lên làm chúa thay vì ông Huệ Vương. Song chẳng khỏi bao lâu phải quân Tây Sơn bắt mà giết di.

Ông Hoàng Tôn chết rồi, dòng dõi nhà Nguyễn gần mất di, thì ông Nguyễn Anh tức vị. Khi đầu thì cai các xứ Đàng Trong mà thôi. Đến năm 1802, là năm Nhâm tuất, thì làm vua cai cả cả nước An Nam, và lấy tên Gia Long. Từ ấy về sau trong nước An Nam chẳng còn chúa nữa, có tên vua mà thôi.

Sở các Chúa nhà Trịnh cai trị các xứ Đàng Ngoài.

Năm 1545, là năm Ất tị, ông Trịnh Kiểm, là rể ông Nguyễn Kim Hưng quốc công, làm Hưng quốc công 25 năm. Khi chết rồi thì mới phong vương.

Năm 1570, là năm Canh ngũ, ông Trịnh Tông, là con ông Trịnh Kiểm, nối quờn cha. Vậy năm 1598, là năm Mậu tuất, nhà Lê phong vương cho ông ấy, cùng gọi là An Quốc Vương. Người làm chúa 25 năm. Từ ấy về sau nhà Trịnh mới lấy tên chúa.

Năm 1623, là năm Quý Hợi, ông Trịnh Tráng, gọi là Thanh Đô Vương, làm chúa 28 năm.

Năm 1654, là năm Tân Mão, ông Trịnh Thạc, gọi là Tây Đĩnh Vương, tức vị làm chúa 22 năm.

Năm 1673, là năm Quý Sửu, ông Trịnh Càng, gọi là Định Nam Vương, tức vị làm chúa 35 năm. —
Đời ấy các vua nhà Lê còn quyền trị nước; song ông Trịnh Càng chiếm lấy mọi quyền phép, và lấy tên nhà Lê làm niên hiệu mà thôi. Còn mọi sự khác thì mặc chúa Trịnh định liệu. Vua thì biết sự ăn uống, chơi bời, dưng nhân ngao du mà thôi.

Năm 1708, là năm Mậu Tý, ông Trịnh Cương, hiệu là Yên Đô Vương, là cháu ông Định Nam Vương, tức vị làm chúa 25 năm.

Năm 1733, là năm Quý Sửu, ông Trịnh Giang, gọi Uy (Đại) vương, tức vị làm chúa 16 năm.

Năm 1749, là năm Kỷ Tỵ, ông Trịnh Đình, gọi là Minh Đô Vương, tức vị làm chúa 17 năm.

Năm 1766, là năm Bính Tuất, ông Trịnh Sâm, gọi là Tĩnh Đô Vương, tức vị làm chúa 15 năm.

Năm 1781, là năm Tân Sửu, ông Trịnh Giái tức vị làm chúa 4 năm.

Năm 1785, là năm Ất Tỵ, ông Trịnh Phụng tức vị làm chúa, và ít lâu sau toan ngụy cùng nhà Lê, mà thất trận cùng biến đi mất.

— — —

SỬ KÝ ĐẠI NAM VIỆT

PHẦN THỨ NHẤT.

DOẢN TÍCH TỪ HIỀU VŨ VƯƠNG CHO ĐẾN
KHI ĐỨC THÁY VÊRÔ VỀ MÀ XIN VUA
NƯỚC PHALANGSA GIÚP NHÀ NGUYỄN
PHỤC QUỐC.

ĐOẠN THỨ NHẤT.

Hiều Vũ Vương (1737-1765).

Hiều Vũ Vương thuộc về nhà *Nguyễn*, cũng là con ông Ninh Vương, làm chúa cai trị các xứ Đàng Trong 28 năm trọn, là từ năm 1737 cho đến năm 1765, là từ năm Đinh tị cho đến năm Ất dậu, cũng là từ Vĩnh Hựu tam niên cho đến Lê Cảnh Hưng nhị thập lục niên. (Khi ấy nhà *Lê* đang làm vua cai trị cả nước An Nam, quen ở nơi gọi là Thăng Long Thành, mà Lê Cảnh Hưng làm vua trị 46 năm, là từ năm 1740 cho đến năm 1786. Cảnh Hưng thăng hà, đoạn thì Chiêu Thống tức vị cũng cứ lấy niên hiệu Cảnh Hưng.)

I. — Hiền Vũ Vương gây các sự khốn nạn loạn lạc trong nước An Nam.

Ông Hiền Vũ Vương đã sinh ra mọi sự khốn khổ loạn lạc, và làm cho nước An Nam mắc phải triều nguy Tây Sơn ; vì ông ấy phần thì sống lâu, phần thì độc dữ làm khốn cho người ta quá lẽ, chẳng có ai thoát khỏi tay vua nầy. Ông ấy có lòng tham cùng xấu tính nết, cò đến đổi hề biết ai có của gì, hay là sản vật gì quý trọng, như chó, ngựa, chim, vườn, hay là hoa quả, cây cối, như cam, quýt, mít, hồng, cùng những giống khác thể ấy, hay là vợ con đẹp dễ xinh tốt, thì cướp lấy, cùng bắt nộp những của trọng vật lạ ấy nữa. Dẫu ai ở xa thể nào cũng phải lo mà đưa đến nơi. Có nhiều lần vì xa đường, chưa kịp đến nơi mà các giống vật ấy, và các giống hoa quả chết đi hay là hư đi, thì bắt tìm kiếm lại cho có nhiều hơn. Bằng chẳng kiếm được vì hoặc đã quá mùa, hay là bởi khó kiếm lắm, thì phải dòn, phải gong, phải bỏ vào ngục, cùng phải mất nhiều của, rồi mới khỏi tội. Còn các việc quan nặng nề Vũ Vương bắt người ta chịu, thì chẳng biết đầu mà kể cho xiết dạng. Cho nên thiên hạ khốn nạn cay đắng, vì ông ấy chẳng biết thương, một yêu mình mà thôi, và chỉ muốn cho người ta đói khát khốn cực hết thảy : vì Vũ Vương ở ở thể ấy nên chẳng còn phép tắc gì. Trong nhà nước các quan muốn làm sao thì làm, ai nấy cũng bắt chước Vũ Vương mà hiếp dân sự.

Sau nữa ông ấy mê sắc dục, ra như chàng còn tính loài người, chẳng những là có nhiều vợ kẻ chẳng xiết, lại cũng lấy con và chị em làm vợ, mà đã sinh nhiều con lắm.

2. — Vua bắt đạo thể nào.

Ông ấy lại ghét đạo cách riêng, nên đã cấm đạo thái nghiêm. Các thầy cả bất luận Tây Nam đều phải ẩn mình kỹ lắm. Các nhà thờ đã phải triệt hạ hết. Các bốn đạo không dám hiệp lại đọc kinh xem lễ nữa. Vì các quan thấy ai có đạo, thì bắt khoá quá xuất giáo cùng lạy ma qui bụt thần; bằng chẳng chịu thì phải bao phong gia tài, cùng phải đòn hay là bỏ vào ngục. Song chẳng luận xử tử mấy người vì đạo; có năm ba người chẳng chịu bỏ đạo thì dạy giam cho chết đói, còn kẻ khác thì phải khảo tra, hay là làm nô tì trọn đời. Vậy những kẻ đã bất luận thể ấy vì đạo, thì chẳng có bao nhiêu song những kẻ khoá quá xuất giáo thì nhiều hơn bội phần. Cũng có nhiều kẻ khi đầu thì ra đầu sốt sắng sẵn lòng chịu khó vì đạo; đầu quan uớ làm sao, hay là tra khảo thể nào, cũng chẳng chịu bỏ đạo. Nhưng mà bởi chẳng chém tức thì, mà lại phải nhiều sự khổ sở lâu dài, thì dần dần ngã lòng mà xuất giáo.

3. — Vũ Vương tôn Chuông Vũ làm Đổng cung thủ cho Đức Mục.

Con đầu lòng Hiếu Vũ Vương, tên là Đức Mục (Mục), có nết na cũng khác tính cha lắm. Ai ai

cũng khen ông ấy khoan nhơn, hiền lành, hay thương dân và cõ nhơn dừ; vua cha cũng đã đặt làm Hồng cung. Chẳng hay ông Đứơc Mụ qua đời khi mới đặng một con trai, tên là Hoàng Tôn, mà thôi.

Con thứ hai ông Vũ Vương, tên là Chương Vũ, chẳng khác tính cha là hao nhiều. Trong các vợ ông ấy có một đờa con hát sinh đặng nhiều con trai; trong những con trai ấy, thì con thứ hai, tên là Đứơc Hoàng Nguyễn Anh, có danh tiếng, vì đến sau được nối dòng cùng tôn lên làm vua gọi là Gia Long.

Vậy bởi ông Đứơc Mụ là con dẫu lòng đã qua đời, thì Hiền Vũ Vương đặt con thứ hai, là Chương Vũ, làm Hồng cung để sau làm chúa thay vì mình. Các quan cùng cả và dân đã biết sự ấy, thì ai ai cũng đều tin thật sau ông ấy sẽ nối quờn cha. Hiền Vũ Vương lấy em làm vợ, và đã sinh đặng một con trai là Hoàng Thượng. Vũ Vương yêu Hoàng Thượng cách riêng, và có ý cho lên làm chúa; song đã đặt ông Chương Vũ làm Hồng cung rồi, mà cả và triều đình đều thuận hết.

4. — Vũ Vương dùng mưu mà tôn Hoàng Thượng lên ngôi.

Nhơn vì sự ấy, năm 1765, là năm Canh Hươg nhị thập lục niên cũng là năm Ất dậu, Vũ Vương chẳng dám từ ông Chương Vũ tỏ tướng; song trời cho hai ông quan đại thần dẫu tiểu mà rằng: « Bao giờ mình » qua đời rồi, thì phải lo liệu cho Hoàng Thượng lên » làm vua. » Hai quan ấy lấy đến ấy làm mưu giết. Vốn đã biết ông ấy ít trí khôn cùng mê ả

uống, chơi cờ, xem trò xem hát, cũng ham săn bắn; cho nên các quan ấy có ý tìm ích riêng mình vì tin thật ông Hoàng Thượng mê chơi cờ lắm vậy, thì sẽ có tên là chúa mà thôi, còn quyền thế chỉ thì tại mình. Bởi vậy, hai ông ấy bàn tính với nhau mà lập một phe kín, và cứ lời Vũ Vương mà giúp ông Hoàng Thượng. Bao nhiêu quan chẳng hiệp một lòng một ý với mình, hay là có ý binh ông Chương Vũ, thì tìm lẽ nọ lẽ kia mà bắt tội cất chức; kẻ thì phải giam, có kẻ phải chết chém. Khi đầu hai ông ấy chưa dám bắt tội ông Chương Vũ; song cũng có ý tứ mà canh giữ lắm. Hai ông ấy đã lập phe mạnh lắm, không còn ai dám chống trả, vì chính mình Hiền Vũ Vương đã bày cho.

ĐOẠN THỨ HAI.

Huệ Vương (1765-1777). — Hoàng
Tôn (1777).

1. — Ông Huệ (Đuệ) Vương tức vị.

Ông Hiền Vũ Vương chết nội năm ấy (1763), là năm Canh Hưng nhị thập lục niên; đoạn hai quan lớn phong vương cho Hoàng Thượng cùng đặt là Huệ Vương. Còn ông Chương Vũ, là cha Đuệ Hoàng Nguyễn Anh, thì phải giam trong ngục; qua năm ba tháng đã phải bệnh mà chết trong ấy. Cho nên có kẻ nghị rằng: đã phải thuốc độc. Lại có kẻ nghị rằng phải mất. Khi ấy Nguyễn Anh mới nên ba tuổi mà thôi. Ông Chương Vũ còn để lại hai em

đồng một mẹ, là ông Chương Văn và Chương Hiến. Vậy ông Huệ Vương còn trẻ tuổi mà mê chơi bời, xem trò xem hát, chẳng biết gì đến việc nhà nước, một để mọi sự mặc quan triều thần mà thôi.

Trong hai ông đã đặt người lên làm chúa, thì có một quan chiêm lấy quyền phép cũng gọi là *quốc phó*, mà ra như làm vua; cho nên dân sự phải khổ nạn quá hơn đời Hiếu Vũ Vương nhiều phần. Bởi đó dân các quan, dân dân sự, ai ai đều tụ tập mà làm nguy. Quan quốc phó thấy vậy thì lấy làm lo; mà bởi tin ông Chương Văn, nên sai ông ấy đi mà dẹp loạn. Ông Chương Văn, đến đâu thì các quan cùng thiên hạ rước và thiết đãi trọng thể, vì ông ấy có danh tiếng như đức và hay thương dân chẳng kém ông Đức Mục. Cũng có nhiều kẻ lo mưu kế cho dựng đặt ông ấy lên làm chúa thay vì ông Huệ Vương.

2. — Ông Nhạc lo mưu cho ông Chương Văn lên làm vua.

Trong những kẻ phục ông Chương Văn và giúp ông ấy lên làm vua, thì nhất là ông Nhạc, là người xứ Qui Nhơn. Nguyên trước là tướng kẻ cướp cùng hay cờ bạc lăm, song bạo dạn gan dăm và tốt trí khôn khéo liệu các việc. Ông ấy làm đầy tớ háu hạ riêng ông Chương Văn; những thật lòng mến thấy, cũng chỉ làm hết sức cho dựng giúp lên bậc cao. Song ông Chương Văn chẳng nghe, một giữ lòng trung với ông Huệ Vương mà thôi.

Vậy ông Nhạc lấy tên ông Chương Văn mà viết

thơ cho năm ba ông quán triều, để rủ theo mình mà đánh Huệ Vương. Ông Nhạc ngờ là phò ông ấy có lòng với ông Chương Văn, và sẵn lòng bỏ ông quốc phó cùng ông Huệ Vương. Nhưng mà phò ông ấy chẳng biết việc sẽ ra làm sao, thì lấy làm sợ mà chẳng ai chịu lời; lại cáo ông Chương Văn làm ngục. Vậy khi ông Chương Văn đã liệu các việc dần vừa rồi, mà chẳng biết ông Nhạc lo mưu chước thế nào, thì về Phú Xuân, liền phải bỏ vào ngục. Vì chưng trong triều ai ai cũng tin ông ấy toan làm ngục. Dầu ông ấy nói làm sao mà chữa mình, thì quốc phó cũng chẳng nghe.

Qua hai năm, có đòn bà kia quen ra vào trong ngục ông Chương Văn phải giam, lo mưu cho ông ấy trốn đi đặng. Khi dầu thì vào ẩn mình trong chùa kia, mà các sư có lòng thương thì giấu đi cùng nuôi đã lâu. Đến sau ông quốc phó tìm bắt đặng thì đã trấn nước đi.

3. — Ông Nhạc đầy loạn.

Khi ông Nhạc thấy thấy mình, là ông Chương Văn, phải bỏ vào ngục làm vậy, thì liền họp với anh em, cùng nhiều người anh em bạo hữu ở xứ Qui Nhơn, mà làm giặc. Nguyên quân ấy khi đi ăn cướp thì đã quen ăn mình trên núi kia, ở hướng tây xứ Qui Nhơn; nên đã gọi quân ấy là quân *Tây Sơn*. Vậy ông Nhạc đã biết thiên hạ chẳng phục ông Huệ Vương, cùng ghệt ông quốc phó; người lại có ý dỗ người ta theo mình, thì trách ông Huệ Vương chẳng phải là vua chính, vì là con vợ mọn.

Vốn khi trước ông Đừc Mục, làm Đồng Cung, cho nên ông Hoàng Tôn là vua chính. Nhược bằng ông Hoàng Tôn chẳng được làm vua, thì còn có ông Chương Văn. Ông Nhạc lại xưng rằng: « Minh « chẳng có ý đánh giặc mà tìm ích riêng đâu, một « có ý cứu lấy vua chính mà thôi. » — Cho nên bao nhiêu quân kẻ cướp cùng quân Ngò ở xứ Qui Nhơn, đều nhận ông Nhạc làm tướng.

Vậy trước hết, quân ấy bắt được quan trấn cùng các quan thành Qui Nhơn, và cất chức mà lấy lễ rằng: « Chẳng có lòng trung với vua chính, « cũng chẳng có lòng thương dân. » — Người ta thấy làm vậy thì mừng lắm, vì ngờ quân ấy thật lòng cứu giúp Hoàng Tôn bay là ông Chương Văn. Lại cũng có ý trông cho sau này ra nhẹ việc quan, nên đua nhau theo ông Nhạc. Vậy chẳng khỏi bao lâu đã thêm được nhiều quân lắm. Những quân lính Đàng Ngoài giữ lấy xứ Quảng Nam, cũng gọi là xứ Chăm, thì ông Nhạc đuổi ra hết: đoạn thì đem xứ Quảng Nam về xứ Qui Nhơn, và cứ việc đánh giặc một ngày một tháng. — Ấy là gốc giặc Tây Sơn thì làm vậy.

4. — Nhà Trịnh vào Đàng Trong hăm lấy Huế.

Khi ấy dân sự một ngày một khốn cực, vì ông quốc phó bắt việc quan cùng ức hiếp quá lễ, chẳng ai chịu được nữa. Cho nên, năm 1774, là năm Canh Hưng tam thập ngũ niên, cũng là năm Giáp ngũ, thì các quan đồng tình với nhau mà sai kẻ đến với ông Trịnh Sum, là chúa cai Đàng Ngoài,

xin cứu giúp dân Đảng Trong vì khổn nạn lắm, Các qua cũng bán cho lính Đảng Ngoài dặng vào trong Huê. Ông Trịnh Bồ Vương chẳng ưa Đảng Trong là bao nhiêu, cho nên khi được dịp mà vào lấy xứ ấy thì mừng lắm, cùng toàn đem dân sự quan quân vào Đảng Trong.

Dân Đảng Trong trông cho được nhờ, thì cũng lấy làm mừng. Song bởi ông Trịnh Sum chưa biết tỏ ông quốc phó khôn ngoan và có tài đánh giặc thế nào, nên chẳng dám lấy sức lực mà đánh vuốt, một lập mưu kế cho dễ bắt ông ấy mà thôi. Khi đầu thì đồn tiếng ra cho chúa Huê Vương, cùng cả và dân Đảng Trong hay rằng: « Chẳng có « việc gì mà sợ, vì chẳng có ý dền đánh giặc làm « chi, một có ý dền cứu giúp dân cho khỏi phải « ông quốc phó hà hiếp, và làm khôn dền nỗi ấy « mà thôi. » Người lại viết thư mà trách ông Huê Vương nhiều đến nặng lắm, vì mình là chúa cai trị nước, mà chẳng biết dặng thương dân, lại để cho ông quốc phó làm khôn dân dền nỗi ấy, thì cảm là đều rất xấu hổ lắm. Vậy nếu có muốn cho yên việc, thì phải nộp quan quốc phó; đoạn sẽ giao hòa vuốt nhau, mà mình sẽ trở về Đảng Ngoài tức thì.

Ông Huê Vương nghe làm vậy, thì kinh khiếp bối rối, vì ít trí khôn, chẳng biết dặng lo việc gì, một biết chơi bời mà thôi. Vả lại người đã biết tỏ các quan cùng cả và dân đã sẵn lòng nội công, và trở lại cùng quân Đảng Ngoài mà phản mình, thì càng sợ hãi hơn nữa. Nhưn vì sự ấy, Huê Vương hội triều đình lại mà bàn việc ấy. Bấy giờ

ai ai đều cũng bảo rằng: *phải nộp ông quốc phò cho yên nhà nước.* — Nhưng mà quân Đảng Ngoài được quan quốc phò thì thiết đãi cách lịch sự; và bởi ông ấy đã thuộc các xứ Đảng Trong tường tận, cho nên quân Đảng Ngoài biếtặng mọi sự. Ấy vậy Trịnh Sâm đem quân vào Đảng Trong cho đến gần thành Huế, có ý vây thành ấy, vì quân Đảng Trong đã trốn đi hết.

5. — Huệ Vương trốn vào Đống Nai.

Khi Huệ Vương biết mình đã mắc lừa, thì chẳng biết làm sao hay là cậy ai nữa. Nên ông ấy đem mẹ cùng anh em chị em, con cháu, và quan quân bỏ thành Huế mà xuống tàu trốn vào Đống Nai. Trong các cháu ấy có ông Hoàng Tôn là con Đức Mục, và Nguyễn Anh, là con ông Chương Vũ. Ông Hoàng Tôn đã nên mười hai tuổi, mà ông Nguyễn Anh thì mới chín tuổi. Khi vua vào trong ấy, thì khó đến nơi lắm, vì quân Tây Sơn đã cấm các cửa biển; nên cũng có lúc vua phải ẩn mình mà đi bộ.

Khi ấy ông Đidacô, là người bên tây, cùng là thấy cả dòng ông thánh Phanxicô, giảng đạo trong Đống Nai, đã lập nhà tại làng Chợ Quán. Ông Huệ Vương thương ông ấy lắm, đã nghe người có tài năng khôn ngoan, bèn đặt làm quan lớn trong Đống Nai. Cho nên ông ấy có thần thế đã xin được vua phá chỉ cấm đạo đời Hiền Vũ Vương đã ra khi trước. Bởi vậy các bốn đạo Đảng Trong được bằng yên vô sự.

6. — Đức Thầy Vêrô (Mgr d'Adran) qua Cao Mên lập nhà trường tại Cấn Thơ.

Cũng một khi ấy có Đức Thầy Vêrô mới đến Sài Gòn. Người đã được sắc Tòa Thánh đặt làm Giám mục phó Đàng Trong; song chưa chịu chức Giám mục. Người cũng đến châu, thì vua thết đãi trọng thể lịch sự; người cũng làm quen với vua cùng các quan. Chẳng khỏi bao lâu, Đức Thầy Vêrô phải sang bên Cao Mên, có ý đem học trò sang và lập nhà trường gần họ Cấn Thơ. Người lấy nơi ấy làm tiện cho học trò, phần thì vì có nhiều bốn đạo ở xung quanh, phần thì vì tốt khí, tốt nước, tốt đất, và dễ sắm sửa các đồ ăn mặc hơn trong Đồng Nai.

Thuở ấy, trong họ Cấn Thơ, có hai thầy dòng ông thánh Phanxicô, là ông bề trên Gioang, và ông Gioang thiên hạ đặt tên là *lêa*, vì nóng tính. Cả hai người ở nước Italia mà sang giảng đạo trong nước An Nam; mà đức Giám mục trước có ý cho dễ hòa thuận, thì đã cho phó thầy ấy xem sóc địa phận riêng. Nhưng mà phó thầy ấy chẳng chịu lụy Giám mục trong mọi sự như các thầy cả khác. Bấy giờ hai thầy ấy cả lòng vô phép mà luận phạt Đức Thầy Vêrô phải vạ cắt phép; không cho làm việc bốn phận, vì rằng: « người đem học trò đến và lập nhà trường trong địa phận mình, thì là như cướp lấy quyền phép mình. » Hai ông ấy ở làm vậy là đều lỗi cả thể lắm, song le Đức Thầy Vêrô làm thinh.

Vậy vua Cao Mên có lòng kính Đức Thấy Vêrô cách riêng mà rước trọng thờ, và ban đất để lập nhà ở và nhà trường trong họ Cấn Thờ. Vua làm vậy chẳng phải có ý mến sự đạo đâu, một có ý nhờ phần đời mà thôi. Vì chưng vua nghĩ rằng: « Đức giám mục ở đâu thì cũng có nhiều bốn đạo Đàng Trong theo đó. Mà lại các ông Tây lập nhà trong nước Cao Mên thì dễ liệu cho các tàu tây sang buôn bán, và mình sẽ được lợi. » Thật khi ấy các bốn đạo Đàng Nai chẳng được yên, vì giặc già cả thế lắm, cho nên kẻ trốn sang bên Cao Mên thì kẻ chẳng xiết.

Song Cao Mên chẳng được bình yên bao lâu, vì anh em quan trấn xứ Ba Thục làm nguy, thì sinh ra xôn xao loạn lạc trong cả và nước. Quân giặc ấy phá phách cùng ăn cướp nhà trường Đức Thấy Vêrô đã lập, nên mất hết mọi sự; lại có bốn người học trò phải tự nó giết. Trong những người ấy thì có một thầy có chức gọi là thầy già Nhiên, quê ở Đàng Ngoài. Vả lại quân giặc có ý bắt đờn bà, con gái; nên có bảy người nhà phước phải chết, vì chẳng chịu để cho nó làm sự quấy quá.

7. — Giặc Tây Sơn càng ngày càng thêm. — Lấy dạng xứ Đàng Nai.

Khi ấy cả và nước An Nam phải khốn khó lắm, vì dân đó cũng có giặc già loạn lạc. Dẫn quân Đàng Ngoài đã lấy cùng giữ xứ Quảng Trị, Quảng Nam và Huế mặc lòng, song cũng chưa dặng yên, vì phải đánh với quân Tây Sơn, mà khi thì nó thua,

khi thì nó dặng. Dân Đảng Trong thì phục quân Đảng Ngoài, vì chẳng bắt việc quan là bao nhiêu cùng hay thương dân; lại khi đói khát thì phát gạo lúa cho dân. Các bốn đạo càng dặng như hơn nữa, vì quan trấn xứ Định Cát và Quảng Nam và Huê có đạo; lại quan đại tướng quân, gọi là quan Quốc Lão, cai các quân Đảng Ngoài, cũng có đạo nữa. Ông ấy quen ở trong thành Hội Yên; còn các xứ khác, từ Huê cho đến gần Đồng Nai, thì thuộc về quân Tây Sơn hết.

Huê Vương cũng đã sai nhiều quan quân mà đánh với quân Tây Sơn. Ông Nguyễn Anh khi ấy đầu mới nên mười ba hay là mười bốn tuổi mà thôi, mà vua cũng đã đặt làm quan cai quân đánh giặc. Khi đầu ra như hai bên bằng nhau; song le dần dần quân Tây Sơn dặng trận cả thế và lấy dặng các xứ. Năm 1776, cũng là năm Bính thân, Canh Hưng tam thập thất niên, thì quân ấy cũng lấy dặng cả xứ Đồng Nai, và bắt dặng ông Hoàng Tôn nữa. Còn Huê Vương và ông Nguyễn Anh cùng các quan thì ẩn mình nơi nọ nơi kia, hay là trốn sang bên Cao Mên. Quân Tây Sơn chẳng những là chẳng giết ông Hoàng Tôn, mà lại tỏ lòng kính và thiết đãi trọng thể. Khi nó lấy dặng xứ Đồng Nai, cũng lấy dặng tàu đầy những vàng bạc cùng những của khác đoạn, thì chở về Qui Nhơn, lại đem ông Hoàng Tôn về với nó nữa; và đặt quan quân giữ lấy các thành và các xứ nó đã lấy dặng.

Quân Đảng Ngoài bắt dặng quan quốc phó, và nhờ ông ấy mà lấy dặng các xứ Đảng Trong. Khi

dem ông quốc phó từ Huế mà ra cho đến Kê Chơ, thì không ai làm đến gì cực khổ ông ấy; mà lại vua Lê Cảnh Hưng cũng thất đãi ông ấy cách lịch sự. Người còn sống lâu năm bình yên vô sự; song chẳng còn chức tước gì.

Trong Đổng Nai, thì Huệ Vương nhớ vua Cao Mên và quan trấn Hà Tiên giúp, cùng lập dựng nhiều binh mới mà đuổi binh Tây Sơn ra khỏi xứ Đổng Nai, và lấy lại cả và xứ ấy.

Ông Nhạc, là tướng Tây Sơn, có ý lấy lòng dân, thì khoe danh rằng: « Huệ Vương chẳng phải là vua chính; mình có ý đánh giặc cho dựng giúp ông Hoàng Tôn là vua chính mà thôi. » Vả lại, ông Nhạc đòi gả con cho Hoàng Tôn, thì ông Hoàng Tôn sinh lòng buồn bực lắm, vì mình là dòng dõi vua mà phải lấy con tướng kẻ cướp, thật là xấu hổ ngàn trùng. Song người cũng chịu vậy, kéo từ chối thì phải chết chẳng khỏi. Bề ngoài thì ông Nhạc cũng tỏ ra lòng kính ông Hoàng Tôn; nhưng mà thật chẳng để cho người quờn phép gì, nên ra như phải giam vậy, và mọi sự tại ông Nhạc hết.

8. — Các quan tôn ông Hoàng Tôn.

Ông Hoàng Tôn thấy tờ tướng quân Tây Sơn lấy tên mình mà lừa đảo dân, có ý cho mình dựng ich riêng mà thôi; khi đã được việc rồi, thì sẽ bỏ hay là giết mình chẳng sai: nên đã lên xuống thuyền mà trốn vào Đổng Nai về cùng Huệ Vương. Ở đó các quan phục ông ấy lắm, vì người khôn ngoan

thượng trí, và hay thương dân; còn ông Huệ Vương thì các quan đã chán rồi, vì chẳng biết dang lo việc gì; mà lại dẫu phải loạn lạc khôn khó thế nào, thì cũng lo một sự chơi bời, xem trò xem hát mà thôi. Bởi vậy có nhiều người tỏ ra lòng dể dui ông Huệ Vương; các quan cũng chia làm hai phe. Phe đông hơn thì đặt ông Hoàng Tôn làm vua mà đặt tên là Thái Hoàng Đế, vì có ý lừa ông Huệ Vương; còn phe trung với ông ấy thì ít lắm. Ông Huệ Vương hiểu ý thì trẩy sang Hà Tiên, để ông Hoàng Tôn và ông Nguyễn Anh ở lại Đồng Nai.

9. — Những sự khốn khó dân phải chịu.

Quân Tây Sơn đã mất Hoàng Tôn và xứ Đồng Nai, ông Nhạc chẳng lừa dân được nữa, thì chẳng còn nói đến vua chính, một xưng mình là hoàng đế cai các xứ, từ Qui Nhơn cho đến Đồng Nai, cùng lấy tên Thái Đức; nên sự khốn khó các xứ Đàng Trong một ngày một thêm.

Về sự đạo thì bằng yên, vì quân Tây Sơn chẳng lo đến việc đạo. Bà di ông hoàng thì cũng có đạo và giúp nhiều việc cho thanh sự đạo. Cũng có lẽ mà ngờ rằng mẹ ông Thái Đức cũng có đạo nữa. Bởi đó các thầy giảng đạo, dẫu Tây dẫu Nam, đi dẫu hay là làm việc gì cũng không ai ngăn cấm.

Còn về phần đời thì dân đói khác quá lẽ. Thường khi trong xứ Qui Nhơn quen bán một cái lương năm sáu tiền, thì khi ấy bán mười lăm quan, vì thiên hạ thấy quân kẻ cướp làm vua làm quan,

thì lấy làm xấu hổ, chẳng ai muốn phục thù. Nền sinh loạn lạc giặc giã và ăn cướp nhiều nỗi khổ nạn kẻ chẳng xiết. Vả lại quân Tây Sơn chẳng có phép ~~đ~~ gì; các quan muốn làm sao thì làm. Đạo tặc phá phách, ăn cướp, đốt nhà mà chẳng ai can gián, cho nên dân sự phải khổ không biết kể sao cho cùng. Sau nữa, dẫu quân Tây Sơn, dẫu ông Hoàng Tôn đều phải dùng oai phép mà ép lòng dân tùy phục mình; cứ lời nói mà thôi, thì chẳng hềặng việc gì. Bởi đó thiên hạ khổ cực lắm, vì phải giặc hai bên chỉ đánh nhau luôn. Khi thì bên nọ thắng, khi thì bên kia thắng; thiên hạ chẳng biết vâng cứ ai, chẳng biết mình thuộc về ai. Hoặc bên nọ lấy đặng xứ nào một ít lâu, mà dèu sau phải thua chạy bỏ xứ ấy; thì bên kia liền bắt tội những người xứ ấy, vì đã theo giặc.

10. — Quân Tây Sơn giết ông Hoàng Tôn.

Đền sau, quân lính Hoàng Tôn đã phải thua một trận cả thế lắm; quân giặc bắt đặng ông Huệ Vương mà giết ông ấy đi với các anh em. Ông Hoàng Tôn và ông Nguyễn Anh thì trốn được vào đồn kia với một ít quân. Song bởi quân ấy thấy ông Hoàng Tôn cô thế, thì chẳng có lòng với ông ấy là bao nhiêu, nên giao với quân Tây Sơn, mà chịu hàng cùng nộp ông Hoàng Tôn với ông Nguyễn Anh cho nó. Song ông Nguyễn Anh trốn khỏi. Vậy quân giặc bắt ông Hoàng Tôn mà giết đi cách kín đáo, chẳng dám giết trước mặt người ta, kéo còn phiếu kẻ phục ông ấy mà thêm loạn lạc chẳng.

